

Số: /PA-UBND

Phượng Tiến, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản xã Phượng Tiến năm 2026 (điều chỉnh, bổ sung)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030;
- Nghị quyết số 08/2025 NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phượng Tiến lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Nghị quyết số 01/NQ/ĐH ngày 15/8/2025);
- Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Phượng Tiến khoá XXIV, kỳ họp thứ sáu (kỳ họp thường lệ) về việc thông qua Phương án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản xã Phượng Tiến năm 2026;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND xã Phượng Tiến khoá XXIV, kỳ họp thứ tám (kỳ họp chuyên đề) về việc điều chỉnh Phương án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản xã Phượng Tiến năm 2026.
- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 07/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Thái Nguyên năm 2026.
- Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/03/2026 của HĐND xã Phượng Tiến khoá XXV, kỳ họp thứ nhất về việc điều chỉnh, bổ sung Phương án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản xã Phượng Tiến năm 2026.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP NĂM 2025

1. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 7.815 tấn/8.049 tấn, đạt 97,09% KH năm. Trong đó: Cây lúa: Năng suất đạt 52,65 tạ/ha, sản lượng thóc đạt 7.040 tấn/7.233 tấn, đạt 97,33% KH năm; cây ngô: Năng suất đạt 43,64 tạ/ha, sản lượng đạt 776 tấn/816 tấn, đạt 95,1% KH.
2. Giá trị sản xuất trên 01ha đất nông nghiệp bằng 111 triệu đồng.
3. Tổng diện tích trồng rừng tập trung 176 ha/125 ha, đạt 140,8% KH; trong đó trồng quế 43 ha/43 ha, đạt 100% KH.

4. Diện tích trồng chè mới đạt 3 ha/4 ha = 75% KH.
5. Sản lượng chè búp tươi đạt 800/1.930 tấn, đạt 41,45% KH.
6. Sản lượng rau các loại đạt 2.301/1.771 tấn, đạt 129,92% KH năm.
7. Tổng đàn gia súc, gia cầm: 74.992/123.170 con, đạt 60,9% KH.
 - Tổng đàn trâu 240/565 con, đạt 42,48% KH năm.
 - Tổng đàn bò 288/725 con, đạt 39,72% KH năm.
 - Tổng đàn dê 380/380 con, đạt 100% KH năm
 - Tổng đàn lợn 5.834/11.700 con, đạt 49,89% KH năm.
 - Tổng đàn gia cầm 68.250/109.800 con, đạt 62,2% KH năm.
8. Sản lượng thịt hơi đạt 2.350/2.350 tấn, đạt 100% KH năm.
9. Diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì đạt 179/179 ha, đạt 100% KH năm.
10. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 290/173 tấn, đạt 167,63% KH năm.
11. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 60/59%, đạt 101,69% so với KH.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2026

1. Sản lượng lương thực có hạt: 7.920 tấn, trong đó:
 - Lúa: 1.337 ha, năng suất 53,7 tạ/ha, sản lượng thóc 7.180 tấn.
 - Ngô: 155 ha, năng suất 47,75 tạ/ha, sản lượng 740 tấn.
2. Giá trị sản xuất trên 1ha đất nông nghiệp: 113 triệu đồng.
3. Tổng diện tích trồng rừng tập trung: 150 ha.
4. Diện tích trồng chè mới, trồng thay thế: 7 ha, trong đó: Trồng mới 5 ha, trồng lại 2 ha.
5. Sản lượng chè búp tươi: 890 tấn
6. Sản lượng rau các loại: 2.110 tấn.
7. Tổng đàn gia súc, gia cầm:
 - Tổng đàn trâu 510 con;
 - Tổng đàn bò 530 con;
 - Tổng đàn lợn 9.800 con;
 - Tổng đàn dê 390 con;
 - Tổng đàn gia cầm 70.000 con.
8. Sản lượng thịt hơi: 1.290 tấn.
9. Diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì: 179 ha.

10. Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 380 tấn.

11. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 60% trở lên.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ SẢN XUẤT

1. Hỗ trợ trồng chè theo Nghị quyết số 08/2025 NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND về quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè

Hỗ trợ trồng chè (*hỗ trợ kinh phí mua giống để trồng mới, trồng lại và kinh phí mua phân bón cho trồng mới, trồng lại chè*).

2. Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm

Hỗ trợ kinh phí mua các loại vắc xin tiêm phòng và kinh phí mua vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về sản xuất lương thực

- Xây dựng văn bản chỉ đạo về thực hiện sản xuất nông nghiệp năm 2026;
- Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn.
- Tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.
- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giống, cơ cấu thời vụ gieo trồng theo hướng sử dụng giống ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao, thích ứng rộng và tiếp tục duy trì, mở rộng phát triển cây trồng vụ Đông theo vùng tập trung. Cụ thể:

1.1. Cơ cấu giống cây lương thực

Tăng cường sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm lúa gạo;

- Cơ cấu giống lúa, giống ngô khuyến khích đưa vào sản xuất tại địa bàn xã.

+ Giống lúa lai: TH3-7, SYN8, SYN12, SYN18, B-TE1, TEJ vàng, HKT99, MHC2, WN305, Thụy Hương 308, HYT116, Việt Lai 20.

+ Giống lúa thuần: J02, Bao thai, nếp Vải, nếp Cái hoa vàng, Đài thơm 8, TBR225, TBR97, Hà Phát 3, DQ11, ADI28, HD11, Dự hương 8, Hương Thuần 8, Hương thơm số 7, VNR20, BG6, HDT10, Khang dân.

+ Cơ cấu giống ngô chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: HN88, NK4300, MAX7379, LVN61, LVN4, C.P.111, C.P.511, NK4300Bt/GT, NK7328, NK7328Bt/GT, NK66Bt/GT, NK6275, DK9955S, DK6919S, khuyến khích mở rộng diện tích các giống ngô nếp, ngô ngọt có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ tốt.

1.2. Thời vụ cây lương thực

Có lịch cụ thể riêng cho từng vụ.

1.3. Giải pháp về bảo vệ thực vật

- Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu, bệnh hại và hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật phòng trừ kịp thời, hiệu quả;

- Tuyên truyền người dân sử dụng thuốc sinh học đảm bảo an toàn trong phòng trừ dịch hại, ít độc với môi trường và sức khỏe con người;

- Vệ sinh, thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật có mầm bệnh từ vụ trước;

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn. Tăng cường phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, kiên quyết ngăn chặn những hành vi trong kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV cấm, thuốc BVTV ngoài danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam.

1.4. Giải pháp về công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Trung tâm dịch vụ tổng hợp thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật tới người dân, tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền khuyến cáo nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: chương trình 3 giảm, 3 tăng (*giảm giống, giảm lượng đạm thừa, giảm thuốc Bảo vệ thực vật, tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế, tăng sức khỏe cộng đồng*), áp dụng quy trình phòng trừ tổng hợp IPM, sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng” (*đúng thuốc, đúng nồng độ, liều lượng, đúng lúc, đúng kỹ thuật*); sử dụng phân bón cân đối, hợp lý, tăng diện tích thâm canh lúa cải tiến (SRI), phương pháp cấy hàng rộng, hàng hẹp...

- Chỉ đạo sản xuất thâm canh lúa, khuyến khích chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác có giá trị kinh tế cao hơn như trồng rau, cây ăn quả...

- Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung, đặc biệt là khuyến khích thực hiện các cánh đồng một giống lúa chất lượng cao.

2. Giải pháp đối với sản xuất cây rau màu

- Sử dụng tối đa diện tích đất chuyên màu, mở rộng diện tích rau màu vụ xuân trên đất một lúa, đất lúa chuyển đổi sang trồng cây rau màu có giá trị kinh tế cao hơn và chủ động mở rộng diện tích lúa mùa sớm, mùa trung để bố trí đất trồng cây vụ Đông;

- Thực hiện sản xuất vụ Đông theo cánh đồng, theo khu vực nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa.

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật, tiếp tục chỉ đạo mở rộng diện tích trồng các loại cây rau màu theo hướng an toàn.

3. Giải pháp về sản xuất chè

- Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè cho người dân;

- Tiếp tục chuyển đổi giống chè theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng: hỗ trợ trồng mới, trồng lại chè đạt 7 ha.

- Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất chè và sản xuất chè theo hướng an toàn, phòng trừ sâu bệnh cho chè...;

- Phối hợp với tỉnh hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP cho người dân (*nếu có*).

4. Giải pháp về công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tuyên truyền, khuyến khích người dân chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng cây gỗ lớn nhằm tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế xói mòn, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tăng cường chỉ đạo công tác trồng rừng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng; công tác phối hợp giữa các cơ quan kiểm lâm, công an, quân đội và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và quản lý lâm sản;

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát khai thác rừng theo đúng quy định. Tăng cường phối hợp thực hiện công tác pháp chế trong lĩnh vực lâm nghiệp, xử lý nghiêm các vụ vi phạm về bảo vệ rừng.

5. Giải pháp phát triển chăn nuôi, thủy sản

5.1. Chăn nuôi

- Tuyên truyền nhân dân làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ tiêm phòng vacxin cho đàn gia súc, gia cầm để đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi, tạo tâm lý yên tâm cho người chăn nuôi thực hiện tái đàn, mở rộng quy mô đàn.

Triển khai thực hiện tiêm phòng cho đàn vật nuôi với tổng số 8.100 liều, trong đó: 800 liều Lở mồm long móng (LMLM) lợn; 500 liều LMLM trâu, bò; 500 liều Tụ huyết (THT) trâu, bò; 400 liều Viêm da nổi cục (VDNC) trâu, bò; 800 liều Dịch tả lợn; 800 liều THT trùng lợn; 1.300 liều Đại chó; 3.000 liều Cúm gia cầm.

- Tăng cường sử dụng các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ vào chăn nuôi để giảm chi phí đầu vào, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; tăng tổng đàn, tăng chu kỳ chăn nuôi;

- Tiếp tục phát triển các giống vật nuôi là giống địa phương, bản địa có giá trị kinh tế cao là thế mạnh của địa phương như: Lợn rừng, gà ta...

- Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng gia trại, trang trại, nhân rộng các mô hình liên kết chăn nuôi gia công, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ không đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường;

- Khuyến khích người chăn nuôi mở rộng diện tích trồng cỏ làm thức ăn cho gia súc, tận dụng đất soi bãi, vườn, công lao động để trồng cỏ cung cấp thức ăn tại chỗ cho gia súc, giảm chi phí đầu vào cho người chăn nuôi.

- Tiếp tục chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi, trong đó đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trâu, bò để nâng cao chất lượng đàn giống vật nuôi.

- Tăng cường công tác quản lý thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y. Kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y;

- Hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường... để phòng chống dịch bệnh.

5.2. Thủy sản:

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về nuôi trồng thủy sản (*giống mới, biện pháp nuôi trồng thủy sản tiên tiến*); Tận dụng mặt nước hiện có để nuôi cá thâm canh, bán thâm canh.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích nuôi cá ruộng nhằm tăng năng suất, sản lượng cá, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế trên một diện tích đất lúa.

6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Rà soát, đề xuất đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi (*kênh mương, hồ đập*) trên địa bàn xã đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp tiên tiến, thâm canh cao; đảm bảo an toàn phòng chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đón nhận, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, cải tạo các công trình thủy lợi, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong vùng sản xuất tập trung.

7. Giải pháp phối hợp tuyên truyền

Chủ động phối hợp với MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng NTM quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra với kết quả cao nhất.

VI. KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN

1. Kinh phí đề nghị hỗ trợ trồng chè: 183.400.000 đồng

- Quy mô thực hiện: 07 ha;

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống chè để trồng mới, trồng thay thế và 70% giá phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh để trồng mới chè trong năm thứ nhất:

+ Hỗ trợ 100% giá giống: 163.800.000 đồng.

+ Hỗ trợ 70% giá phân bón: 19.600.000 đồng.

(Thực hiện theo Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên).

2. Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Phân bổ chi tiết sau.

(Thực hiện theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa).

3. Kinh phí hỗ trợ phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm năm 2026

Tổng kinh phí hỗ trợ: 142.066.500 đồng. Trong đó:

- Kinh phí mua các loại vắc xin tiêm phòng: 114.267.500 đồng.

- Kinh phí mua vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm: 27.790.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Tham mưu cho UBND xã chỉ đạo đưa các giống lúa, ngô có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất; Thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các nội dung hỗ trợ trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

- Tham mưu, chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn xã theo quy định.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về vật tư nông lâm nghiệp trên địa bàn.

3. Trung tâm dịch vụ tổng hợp

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật mới ứng dụng vào sản xuất, các kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; Tổ chức xây dựng các mô hình chuyển giao khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất và nhân rộng các mô hình đã thực hiện hiệu quả trên địa bàn.

- Tham mưu, chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các xóm thực hiện công tác vận động, tuyên truyền, hướng dẫn người dân để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất nông lâm nghiệp năm 2026, đặc biệt là đối với chỉ tiêu sản xuất lương thực, phát triển chăn nuôi, công tác trồng chè, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, chương trình OCOP...

- Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, mô hình được giao; định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung công việc được giao về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) trước ngày 10 hằng tháng.

- Thực hiện tốt công tác điều tra, dự tính, dự báo tình hình, diễn biến các loại sâu bệnh hại và hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng kịp thời, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác tiêm phòng vacxin phòng bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

- Chuyên giao các loại giống, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

4. Tổ thủy nông xã

Có kế hoạch điều tiết nước một cách hợp lý, phát huy hiệu quả của các công trình thủy lợi đảm bảo dự trữ và điều tiết nước tưới, phục vụ kịp thời cho sản xuất và phòng chống thiên tai; thường xuyên kiểm tra các công trình trước, trong và sau mùa mưa bão.

5. Các cơ quan ban, ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp cùng ngành Nông nghiệp tuyên truyền, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp năm 2026 đã đề ra.

6. Các xóm

- Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của từng xóm cho sát đúng với thực tế. Chỉ đạo nhân dân thực hiện đạt hiệu quả.

- Tuyên truyền cho nhân dân đưa các giống lúa chất lượng cao vào sản xuất. Bố trí thời vụ hợp lý, để kịp thời gieo cấy lúa mùa sớm tạo điều kiện mở rộng diện tích trồng cây màu vụ đông 2026.

- Khuyến khích sản xuất theo cánh đồng tập trung một giống để tiện cho việc chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Và thúc đẩy dần sản xuất theo hướng hàng hóa.

- Chủ động đăng ký nhu cầu với Trung tâm dịch vụ tổng hợp về các lớp tập huấn chuyên giao KHKT ngay từ đầu vụ để hướng dẫn nhân dân thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm tăng năng suất và sản lượng trên cùng một đơn vị diện tích.

- Tuyên truyền người dân thường xuyên thăm đồng phát hiện sớm các loại sâu bệnh hại, báo ngay về UBND xã qua Trung tâm dịch vụ tổng hợp để kịp thời kiểm tra, xác định, hướng dẫn biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

Trên đây là Phương án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2026 (điều chỉnh, bổ sung) của UBND xã Phượng Tiến, yêu cầu các phòng, trung tâm, các đoàn thể và các xóm tổ chức triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đơn vị có liên quan;
- 27 xóm;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Hùng